

**Số: 411/2020/QĐST- HNGĐ**

*Đông Anh, ngày 07 tháng 8 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 353/2020/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020, giữa:

*Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Anh T, sinh ngày 02/10/19xx, giấy chứng minh nhân dân số 01182xxxx do Công an thành phố HN cấp ngày 14/8/2009.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Số nhà H6, tổ 22, thị trấn ĐA, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

*Bị đơn:* Chị Dương Thị Minh T2, sinh ngày 27/10/19xx, giấy chứng minh nhân dân số 01219xxxx do Công an thành phố HN cấp ngày 31/5/2004.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Số nhà H6, tổ 22, thị trấn ĐA, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 7 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Anh Nguyễn Anh T và chị Dương Thị Minh T2.

**2/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- **Về con chung:** Anh chị có hai con chung là: Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 10/10/2006; Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 19/5/2012. Các cháu khỏe mạnh, bình thường. Ly hôn, chị T2 trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu L và Đ và anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T2 mỗi tháng 5.000.000 đồng kể từ tháng 8 năm 2020 cho đến khi con chung của anh chị thành niên hoặc có sự thay đổi khác.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung:** Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

- **Về án phí sơ thẩm:** Án phí ly hôn sơ thẩm: 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) mỗi bên chịu 1/2, hai bên thoả thuận để anh T chịu cả.

Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) anh T phải chịu và anh chị thống nhất để anh T chịu.

Tổng cộng án phí anh T phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào 300.000 đồng anh đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0016396 ngày 01/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

**3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Toà án Hà Nội;
- Thi hành án dân sự;
- UBND thị trấn ĐA, huyện ĐA, Hà Nội (GCN kết hôn số 268 ngày 09/12/2005);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Thẩm phán**

**Nguyễn Thị Thu Thanh**